

越南歌曲选

音乐出版社



越南歌曲选

杜 潤、刘友福等作曲

音乐出版社
北 京

本曲集系根据越南民主共和国音乐家协会提供的材料编选

越南歌曲选

杜 澹、刘友福等作曲

音乐出版社出版(北京和平门外西琉璃厂170号)

北京市书刊出版业营业许可证出字第063号

新华书店北京发行所发行

全国新华书店经售

* * *

787×1092毫米 16开10¹/₂印张161面乐谱

1962年11月北京第1版

1962年11月北京第1次印刷

印数: 0,001-935册

统一书号: 8026·1527 定价 1.45元

目次

1. 进军歌 (越南民主共和国国歌) (<i>Giành quân ca</i>)	杜友益作词 文 高作曲	1
2. 歌颂越南劳动党 (<i>Chào mừng Đảng Lao Động Việt Nam</i>)	杜 明作曲	3
3. 歌颂胡志明 (<i>Lãnh tụ ca</i>)	刘友福作曲	5
4. 坚强不屈的越南 (<i>Thôn Việt Nam</i>)	裴功奇作曲	6
5. 八月的旗帜 (<i>Lá cờ tháng tám</i>)	潘清南作曲	9
6. 忘我为人民 (<i>Vì nhân dân quên mình</i>)	尹光凯作曲	11
7. 在军旗下 (<i>Dưới lá quân kỳ</i>)	杜 润作曲	13
8. 胡志明之歌 (<i>Bài ca Hồ chí Minh</i>)	范文强作曲	17
9. 消灭法西斯 (<i>Diệt phát xít</i>)	阮庭诗作曲	19
10. 建成统一的道路 (<i>Đường dẫn đường Thống nhất</i>)	苏 武作词 谢 福作曲	22
11. 亚洲掀起斗争的巨浪 (<i>Đông Nam Á châu</i>)	刘友福作曲	24
12. 河内 - 北京 - 莫斯科 (<i>Hà-nội Bắc-Kinh Mạc-tử-khoa</i>)	春 笔作曲	29
13. 我们为和平歌唱 (<i>Giếng chim hòa bình</i>)	苏 武、世 彦作词 谢 福作曲	32
14. 希望之歌 (<i>Bài ca hy vọng</i>)	文 奇作曲	34
15. 长征之歌 (<i>Bài ca trên đường xa</i>)	黎 明、梁玉卓作词 梁玉卓作曲	37
16. 感谢您——武氏六 (<i>Cảm ơn chị Võ-thị-Sáu</i>)	阮德全作曲	43
17. 我的故乡解放了 (<i>Quê tôi giải phóng</i>)	文 钟作曲	46
18. 拉炮歌 (<i>Hồ kéo pháo</i>)	黄 云作曲	49
19. 缴公粮 (<i>Đóng nhanh lúa tốt</i>)	弦 心作词 黎 雷作曲	53
20. 青年的呼声 (<i>Giếng gọi Thanh-Niên</i>)	刘友福作曲	56
21. 为青春而奋斗 (<i>Giữ mãi tuổi xuân</i>)	胡 北作曲	59
22. 春耕 (<i>Cày chiêm</i>)	苏 武作曲	63
23. 我的家乡 (<i>Quê tôi miền Nam</i>)	潘黄鸟作曲	66
24. 一封信 (<i>Chỉnh trong lá thiệp</i>)	潘黄鸟作曲	70
25. 小牛啊, 小牛 (<i>Gọi nghé trên đồng</i>)	洪 登作词 尹 敏作曲	72

26. 叮哥哥和咿妹妹 (<i>Đinh hen cùng Bình</i>)	文 钟作曲	75
27. 一盞星翁灯 (<i>Chiếu đèn ông Sao</i>)	范 宣嗣曲	80
28. 誰比我們兒童更愛胡伯伯 (<i> Ai yêu Bác Hồ- chí-Minh hơn chúng em Nhi-đồng</i>)	风 雅嗣曲	82
29. 在金星紅旗下 (<i>Dưới ánh Sao Vàng</i>)	云 东嗣曲	86
30. 奠边府大捷 (<i>Chiến thắng Điện Biên</i>)	杜 潤嗣曲	89
31. 紅河游击队 (<i>Du kích Sông Chao</i>)	杜 潤嗣曲	93
32. 部队来到我們的村庄 (<i>Bộ-đội về làng</i>)	黄忠通作詞 黎 安作曲	102
33. 和平大捷 (<i>Chiến-thắng Hòa Bình</i>)	文 荷嗣曲	111
34. 沱江战士 (<i>Chiến sĩ Sông Lô</i>)	阮庭福嗣曲	118
35. 越池桥的灯光 (<i>Ánh đèn cầu Việt Trì</i>)	黄 河嗣曲	123
36. 边防战士之歌 (<i>Giọng hát của người chiến sĩ biên phòng</i>)	苏 海嗣曲	132
37. 歌颂伏尔加-頓河运河 (<i>Cả ngợi kênh Vôn-ga-đông</i>)	新 弦嗣曲	136
38. 捻线穿针 (<i>Xe chỉ' luôn kim</i>)	越南北部北宁民歌	139
39. 过桥时給风吹了 (<i>Qua cầu gió bay</i>)	越南北部北宁民歌	142
40. 美丽的竹子 (<i>Cây trúc xinh</i>)	越南北部北宁民歌	144
41. 蜘蛛牵絲 (<i>Con nhện trăng tơ</i>)	越南北部北宁民歌	146
42. 等待 (<i>Đợi chờ</i>)	越南中部西原区民歌	148
43. 少女們 (<i>Anh là ở</i>)	越南北部西北区傣族民歌	150
44. 摘菜舞曲 (<i>Xóc hái rau</i>)	越南北部西北区傣族民歌	151
45. 黑馬謠 (<i>Lý ngựa Ô</i>)	越南中部顺化民歌	152
46. 打夯号子 (<i>Hò hui</i>)	越南中部顺化民歌	153
47. 隔句唱調 (<i>Cách cú</i>)	越南北部潮安曲調	155
48. 搖籃曲 (<i>Ru con</i>)	越南南部民歌	157
49. 黄昏謠和烏鴉謠 (<i>Lý chiều chiều và lý con quạ</i>)	越南南部民歌	159
50. 八哥謠 (<i>Lý con Sáo</i>)	越南南部民歌	161

進軍歌

Tiến quân ca

(越南民主共和國國歌)

nhạc và Lời
Văn - Cao杜友益作詞
文高作曲
詹景霖譯配

Moderato marciale



Đoàn 1. Đoàn quân Việt Nam đi chung lòng cứu quốc Bước chân dồn vang trên đường gập ghềnh
Đoàn 2. Đoàn quân Việt Nam đi sao vàng phấp phới Dải giòng nơi quê hương qua núi lăm

1. 越南人民軍, 忠心救國, 奮勇前進在艱苦的道路
2. (越南)人民軍, 高舉紅旗, 為了民族擺脫痛苦



xo. Cờ in màu chiến thắng mang hồn nước Súng ngoài xa chen khúc quân hành
than Cùng chung sức phấn đấu xây đời mới Đứng đầu lên giong xích ta đập

上。 远处的枪声伴着行军歌, 胜利的红旗染满鲜
苦。 努力奋斗建设新生活, 同心合力粉碎枷



ca Đồng quân hòng xây xác quàn thù Thắng gian lao cùng nhau lập chiến
 tan Từ bao lâu ta nuốt căm hờn Quyết hy sinh đời ta tóe tửm
 血。 我 們 筑 成 光 榮 路， 战 胜 困 難 建 立 根 据
 鎖。 多 年 仇 恨 积 在 心， 为 了 幸 福 不 怕 牺

Khu Vì nhân dân chiến đấu không ngừng Tiến mau ra sa trường Tiến lên!
 hân Vì nhân dân chiến đấu không ngừng Tiến mau ra sa trường Tiến lên!
 地。 永 远 为 人 民 战 斗， 奋 勇 上 战 场。 前 进！
 牲。 永 远 为 人 民 战 斗， 奋 勇 上 战 场。 前 进！

Cùng tiến lên! Nước non Việt Nam ta vững bền.
 Cùng tiến lên! Nước non Việt Nam ta vững bền.
 向 前 进！ 万 岁 啊， 越 南 祖 国。 2. 越 南 人
 向 前 进！ 万 岁 啊， 越 南 祖 国。

歌颂越南劳动党

chào mừng Đảng Lao Động Việt Nam
(1951 - 1952 越南文艺会演三等奖)

nhạc và lời
Đỗ Minh

让·明词曲
詹琴森译配

Moderato

Ưng trời đông ánh hồng trời sáng bừng lên. Đàn bồ câu trắng bay trong nắng
东 方 升 起 金 色 的 太 阳, 和 平 鸽 在 阳 光 下 飞

mỗi Ngàn triệu dân Lật tay nhau đứng quanh Đảng Lao Động Việt Nam khơi kết đoàn công nông bên vũng. Đãi chào
翔。 千 百 万 人 民 跟 着 越 南 劳 动 党, 汇 成 澎 湃 的 巨 浪。 人 民



Lao thàat tĩn bỹ yêu chái miẽn tĩn. Vì ngày mai óm nót ðó hánh phúc. Mào cãm
 衷 心 热 爱 劳 动 党, 为 着 明 天 的 自 由 幸 福, 手 拉



tay sát voi nhau, sũng buỏt lĩm lĩn ðĩng tĩn ðĩu tũ hũa bĩnh nhũ máy buỏt rĩn lũa vàng ngỏp
 手, 肩 并 肩, 为 着 实 现 统 一 而 战 斗。 机 器 歌 唱, 稻 麦 金



Đĩng Đảng Lao Đĩng Viẻt Nam vi nhũn dũn tiẻn phỏng ðĩu tĩnh.
 黄, 越 南 劳 动 党 永 远 领 导 人 民 向 前 方。

歌頌胡志明

nhạc và Lời
Lưu Hữu Phước
Phân âm piano
Văn Chung

Lãnh Tu Ca

(1951 - 1952 越南文艺会演三等奖)

刘友福 词曲
文生、怀越、景森 伴奏
宝生、怀越、景森 译配

Maestoso

1. Sao vàng phấp phới ánh hồng sáng tươi. / Toàn Việt - Nam đón chào ngày
2. Tiếng người tha thiết kêu gọi bốn phương. / Có vùng lân quân thù gục
3. Muốn lòng sung sướng, muốn lái hát ca. / Trẻ Việt - Nam hòa bình nở

1. 金星 红旗 迎风 飘扬, / 越南 人民 欢迎 新时
2. (全) 国 人民 齐声 怒吼, / 红旗 一 挥 敌军 溃
3. (热) 烈 狂欢 普天 同 庆, / 全 国 人 民 歌唱 和

mới. / Hồ - chí - Minh dắt đưa dân nước vững bền tranh đấu cho đời chúng ta. / Hồ - chí -
xuống. / Hồ - chí - Minh sáng ngời quầng đấu tranh vững bền đưa chúng ta vượt khó khăn. / Hồ - chí -
hoa. / Hồ - chí - Minh muốn toàn dân sung vui, vững bền xây dựng nên đời hạnh phúc. / Hồ - chí -
代. / 胡 志 明 领 导 人 民, 为 祖 国 解 放 坚 决 斗 争. / 万 岁
逃. / 胡 志 明 是 光 辉 的 榜 样, 鼓 舞 我 们 克 服 困 难. / 万 岁
平. / 胡 志 明 带 给 人 民 欢 乐, 建 设 美 满 幸 福 生 活. / 万 岁

1. Minh muốn năm, giải phóng cho nhân dân xây dựng non nước Việt - Nam. / 1. 2. / 3.
2. Minh muốn năm, chỉ lối cho nhân dân đi ngay chiến trường và vang. / 3. / 4.
3. Minh muốn năm, ngời sáng tương lai, ở đây ghi nhớ nào. / 4. / 5.

胡志明, 人民得解放, 建立新越南. / 2. 全
胡志明, 为人民带路, 创造胜利光. / 3. 热
胡志明, 给人幸福, 恩情比天长.

Thạc và lời: Đủ công. Kỳ.
phần đêm piano: Hoàng-Vân.

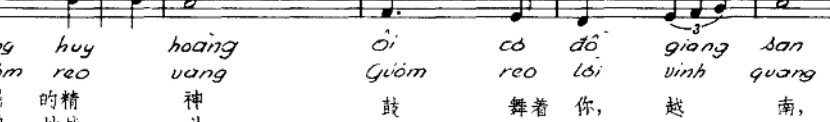
曲奏詞歌
詞伴選配
奇觀名平
功云立
裴黃佚王

Andante

The first system of the musical score for 'The Song of the Lark' is in 2/4 time and G major. It consists of two staves. The right hand (treble clef) begins with a half note G4, followed by a quarter note A4, and then a half note B4. The left hand (bass clef) begins with a half note G3, followed by a quarter note A3, and then a half note B3. The tempo is marked 'Andante'. The key signature has one sharp (F#). The time signature is 2/4. The score includes various musical notations such as notes, rests, and dynamic markings like 'p' (piano).

不英

鼓 舞 你 越 南，
为 了 你， 越 南。



Bông huy hoàng òi cô đồ giang san
 quôm reo vang quôm reo lời vinh quang
 屈 的 精 神 鼓 舞 着 你 越 南
 勇 地 战 斗 为 了 你 越 南

Trời bao năm hiện ngang Cùng một giòng da vàng
 Lối một dân hiện ngang Lối một giòng con trướng
 壯麗山河 經歷多少苦難，
 鮮血寫成 壯麗的詩篇，

Nơi Hồng Bàng Nơi Hồng Bàng quyết thế phò giang sơn
 Nơi Hồng Bàng Nơi Hùng Cường đến giờ cùng vung gươm
 越南的兒女們，去保衛江山！
 戰鬥時刻已來到，去保衛江山！

accelerando
 Thế một chết bảo toàn cho núi sông Thế một chết bảo toàn cho đất nước
 Dem một chết dâng hồn thiêng núi sông Dem một chết dâng hồn thiêng đất nước
 把我們生命 獻給祖國， 誓死保衛祖國江山，
 把我們生命 獻給祖國， 誓死保衛祖國江山，

mp marcato

Khởi làm than trong uổng chính chiến
 Khởi làm dân dã hàn uổng quốc
 消灭侵略的战争,
 我們不愿作亡国奴,
 Cho khởi thấy núi sông xuống máu
 Cho khởi thấy vết chân nhô nước
 再不让鲜血流成河,
 让我们神圣的祖国

Bao quân thấy phải ngoài đồng
 quân xâm lăng hung tàn
 再不让白骨堆成山,
 再不受摧残,
 Cứu muôn dân
 Cứu muôn dân
 挽救人民,
 高举红旗,

Thoát vòng thế lũng
 Phút cơ xung phong
 摆脱苦难,
 奋勇向前,
 Giết giết hết quân hung tàn
 Giết giết hết quân Hung tàn
 杀! 杀绝凶残的敌人。
 杀! 杀绝凶残的敌人。

八月的旗帜

Lá cờ tháng tám

nhạc và lời
Phan Thanh Nam
Vivace

潘清南词曲
韓剛定配詞
湯雪耕配歌

The first system of the musical score is in 2/4 time, marked 'Vivace'. It features a vocal melody on a treble clef staff and a piano accompaniment on a grand staff (treble and bass clefs). The melody begins with a treble clef, a key signature of one sharp (F#), and a common time signature. The lyrics are written below the vocal staff.

Tung bay lá tung bay cờ đỏ sao vàng Muốn sao tung không
金星 紅旗 迎風飄揚, 从越北到

The second system continues the musical score. The vocal melody and piano accompaniment are shown. The lyrics continue below the vocal staff.

giàn từ Việt Bắc xuống tận bưng biển lòng người dân nổi lên bao hồn
南方 星光明 亮, 巴亭广 場上 激 蕩着

The third system concludes the musical score. The vocal melody and piano accompaniment are shown. The lyrics continue below the vocal staff.

cầm bầy lũ traò sỏi Màng Ba đĩnh rặng chiều dằng Người ấm giọng cha già muôn đời.
人民的仇 恨, 胡伯伯的 声音 坚定而 响亮。

Animato

Tung bay la tung bay Muôn năm Hồ - chí - Minh Có vầng sao phấp phấp
Muôn năm đang lao động Muôn năm Hồ - chí - Minh Có vầng sao thắm
 紅 旗 在 飄 揚, 胡 志 明 萬 歲! 勝 利 的 紅 旗
 勞 動 黨 萬 歲! 胡 志 明 萬 歲! 戰 士 血 染 的

phấp phấp thăng, Có vầng sao quét loại đế phong Trời Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa
màu chiến sĩ Là bàn tay sức mạnh cùng nâng Đãi ẩm no ruộng đồng rạo rạo
 齊 飄 揚, 帝 國 封 建 齊 掃 蕩, 莫 斯 科 北 京 的 天 空,
 大 紅 旗 是 工 農 堅 強 的 手 臂, 歡 慶 丰 衣 足 食,

Rực ba Lê trong muôn rạo rạo Vượt gian nan trường kỳ kháng chiến Bội vinh quang của muôn
Cùng thế giới quyết xây nên Hòa Bình Ngàn gian nan Lối nghìn chiến thắng 千 萬 人 民
 閃 耀 共 產 主 義 光 芒, 堅 持 長 期 抗 戰, 保 衛 世 界 和 平, 從 勝 利 走 向 勝 利,

van trái tim. Có hàng ngàn chiều sáng muôn đời
 心 一 條。 八 月 旗 幟 光 芒 萬 丈。
p rall. subito
 * * * * *

忘我为人民

Vì nhân dân quên mình

nhạc và Lời
Đoàn - quang khái
phần đệm piano
Tô - vũ
Marziale

尹光作词
苏武配乐
曾广森译词
汪声浩配歌

The first system of the musical score features a vocal melody in the treble clef and a piano accompaniment in the grand staff (treble and bass clefs). The key signature has one sharp (F#), and the time signature is 4/4. The tempo/style is marked 'Marziale'. The lyrics are written in Vietnamese and Chinese.

Vì nhân dân quên mình vì nhân
Thế nơi quàng Bác Hồ vì nhân
1. 人 民 的 利 益 高
2. 让 我 们 学 习 胡 志

The second system continues the vocal melody and piano accompaniment. The lyrics are in Vietnamese and Chinese.

dân hy sinh anh em ơi vì nhân dân quên mình
dân gian lao trong bao năm Người tranh đấu không ngừng
于 榜 样, 让 我 们 为 人 民 献 身。
明 的 一 切, 他 一 生 艰 苦 奋 斗 为 人 民。

The third system continues the vocal melody and piano accompaniment. The lyrics are in Vietnamese and Chinese.

Đoàn về Quốc chúng ta ở nhân dân mà ra được dân
Người chỉ biết có dân ngày ngày lo sao cho toàn dân
人 民 培 育 我 们, 人 民 信 任 我 们, 人 民
他 日 夜 关 怀 人 民 的 一 切, 使 人

mến được dân tin muôn phần Thế vì dân suốt
 ăm toàn dân no được học hành Người chí uí khi
 热民 爱生 我 们 象 亲 人。 亲 爱 的 祖 志
 民 生 活 幸 福。 亲 爱 的 爱 的 胡

poco a poco cresc.

đời thế tranh đấu không ngừng vì đất nước thân yêu mà hy
 nao toàn dân hết đấu thường Người tranh đấu đảm không lùi về cho
 国, 我 们 向 你 们 宣 誓, 我 们 永 远 为 你 的 战
 明, 我 们 的 父 亲, 我 们 要 学 习 你 的 榜

sinh dân. Thế diệt hất để quốc gia giành tự do Hoa
 斗. đoàn về quốc chúng ta là con yêu của
 样, 坚 决 消 灭 帝 国 主 义 侵 略
 为 了 祖 国 解 放, 为 了 人 民 幸

f

Bình đoàn về quốc quên mình về nhân dân.
 Người Thế nơi giường suốt đời vì nhân dân.
 者, 夺 回 祖 国 的 自 由 和 平。
 福, 我 们 永 远 为 人 民 战 斗。